



XÂY DỰNG NỘI DUNG CHUYÊN MÔN TRONG QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC – VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT VÀ ỨNG DỤNG



Đại úy, ThS. Đinh Ngọc Hạnh *

Tóm tắt nội dung: Các yếu tố cơ bản của quá trình giáo dục gồm: mục tiêu (objective), nội dung chuyên môn (subject matter), phương pháp và tổ chức (method and organization) và đánh giá (evaluation). Trong bốn yếu tố nêu trên, nội dung chuyên môn là một thành tố quan trọng và có mối liên hệ chặt chẽ với ba thành tố còn lại. Việc lựa chọn nội dung chuyên môn phù hợp, đúng đắn và vừa sức là vô cùng cần thiết để góp phần mang đến thành công của dạy học. Tuy nhiên, muốn xác định đúng nội dung chuyên môn không phải là việc đơn giản, mà cần phải hiểu rõ khái niệm, đặc trưng của nó cũng như mối quan hệ giữa nó với các yếu tố khác.

Năm 1950, với công trình nghiên cứu “*Những nguyên lý cơ bản của Chương trình học và giảng dạy*”, nhà giáo dục nổi tiếng của Mỹ Ralph W. Tyler đã đưa ra nguyên lý Tyler, một nguyên lý đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt các bộ môn khoa học giáo dục của Mỹ cũng như trên thế giới. Trong tác phẩm này, ông đã lần đầu tiên xác định đúng đắn các yếu tố cơ bản của quá trình giáo dục gồm: mục tiêu (objective), nội dung chuyên môn (subject matter), phương pháp và tổ chức (method and organization) và đánh giá (evaluation), đồng thời phân tích mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố này để vạch ra phương hướng xác định chúng trong quá trình dạy học. Sau Tyler, các nhà giáo dục của Mỹ và thế giới như Benjamin S. Bloom, Anita J. Harlow, Hilda Taba... đã tiếp tục đi sâu nghiên

cứu và phát triển hệ thống lý luận dựa trên mối quan hệ tương tác giữa bốn yếu tố cơ bản của quá trình giáo dục, trở thành nội dung bao trùm ngành giáo dục cũng như đi sâu vào mọi cấp học, mọi bộ môn, khóa trình cũng như bài học ở Mỹ và nhiều nước trên thế giới bao gồm cả Việt Nam. Trong bốn yếu tố nêu trên, nội dung chuyên môn là một thành tố quan trọng và có mối liên hệ chặt chẽ với ba thành tố còn lại. Nội dung chuyên môn chính là lượng kiến thức được lựa chọn để sử dụng trong quá trình dạy học và có tác động rất lớn đến tính hiệu quả của quá trình này. Việc lựa chọn nội dung chuyên môn phù hợp, đúng đắn và vừa sức là vô cùng cần thiết để góp phần mang đến thành công của dạy học. Tuy nhiên, muốn xác định đúng nội dung

* Tổ trưởng, Phòng QLNCXH,
Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.



chuyên môn không phải là việc đơn giản, mà cần phải hiểu rõ khái niệm, đặc trưng của nó cũng như mối quan hệ giữa nó với các yếu tố khác. Những vấn đề mang tính lý thuyết về nội dung chuyên môn sẽ là nền tảng vững chắc để các nhà giáo dục vận dụng xây dựng chương trình học phù hợp.

Thuật ngữ “*nội dung chuyên môn*” trước hết chính là nội dung kiến thức được lựa chọn, sử dụng trong quá trình giáo dục, nhằm đáp ứng mục tiêu của quá trình giáo dục. Tuy nhiên, nội dung chuyên môn còn bao hàm cả kỹ năng và thái độ - tình cảm liên quan đến kiến thức. Do đó, xét một cách tổng quát, nội dung chuyên môn là những kiến thức, kỹ năng và thái độ - tình cảm được lựa chọn để đáp ứng mục tiêu giáo dục (Lê Quốc Vinh, 2011).

Do quá trình giáo dục có nhiều cấp độ khác nhau nên nội dung chuyên môn cũng có nhiều cấp độ từ thấp đến cao, nội dung cấp độ trên bao hàm nội dung cấp độ dưới, nội dung cấp độ dưới tổng hợp thành nội dung của cấp độ trên. Trong chương trình học nhà trường, nội dung chuyên môn được trình bày thành nội dung môn học, tức lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ - tình cảm chứa đựng trong mỗi môn học, tạo nên những giá trị khác, hợp thành năng lực chung của người học. Do đó, Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia (National Research Council) của Mỹ đã đưa ra định nghĩa như sau: “*Nội dung là những gì mà học sinh được học*” (1996).

Theo Hilda Taba (1962), nội dung kiến thức có các đặc tính như sau:

- *Dung lượng của kiến thức (content)*: đây là lượng thông tin có sẵn của mỗi loại kiến thức. Tùy theo trình độ học vấn mà sử dụng lượng thông tin nhiều hay ít. Nếu lượng thông tin quá ít thì không đạt được đầy đủ mục tiêu giáo dục; ngược lại, nếu lượng thông tin quá nhiều thì gây nên sự “*quá tải*” đối với người học và mục

tiêu giáo dục cũng không thể đạt được một cách thỏa đáng. Như vậy, vấn đề quan trọng là phải sử dụng đúng mức lượng thông tin cần thiết cho trình độ được yêu cầu.

- *Quá trình của kiến thức (process)*: là quá trình phát triển theo một đường lối nào đó để hình thành kiến thức. Để lĩnh hội kiến thức, người học không chỉ tiếp thu một dung lượng thông tin mà còn phải tiếp nhận quá trình phát triển của kiến thức đó. Quá trình này tạo nên cấu trúc của kiến thức và rèn luyện cho người học phương pháp tư duy khoa học để phát triển và giải quyết vấn đề. Vì vậy, nhà giáo dục phải điều chỉnh sự tương quan giữa dung lượng và quá trình của kiến thức để đạt được một tỷ lệ hợp lý cho người học tiếp thu kiến thức có hiệu quả tốt nhất.

- *Bề rộng của kiến thức (breadth)*: là phạm vi bao quát trên bề mặt của toàn bộ kiến thức, bao gồm mọi thông tin liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến kiến thức đó. Bề rộng của kiến thức thường xuyên được mở rộng nhưng trong mọi quá trình giáo dục, mỗi kiến thức đều chịu sự giới hạn của thời gian đào tạo và những điều kiện vật chất khác. Do đó, khi thiết kế hay dạy học một chương trình môn học phải lưu ý vấn đề kiến thức được mở rộng đến đâu thì mới hiệu quả.

- *Chiều sâu của kiến thức (depth)*: thể hiện ở lượng thông tin phong phú và đa dạng, đem lại cho người học sự hiểu biết đầy đủ, rõ ràng và sâu sắc về kiến thức đó. Chiều sâu của kiến thức mâu thuẫn với bề rộng của kiến thức không thể đồng thời đạt đến giới hạn tối đa của hai đặc tính này. Vì vậy nhà giáo dục cần phải xác định được một sự cân bằng giữa bề rộng và chiều sâu của kiến thức.

Sau khi giải quyết các vấn đề liên quan đến đặc tính của kiến thức, nhà giáo dục còn phải lưu tâm đến các trình độ của nội dung kiến



thức trong chuỗi học vấn. Cho đến nay, cách phân loại trình độ nội dung của Hilda Taba (1962) vẫn đang phổ biến với 4 trình độ khác nhau, sắp xếp từ thấp đến cao như sau:

- Các sự kiện và quá trình riêng biệt:

Đây là trình độ cơ sở của kiến thức, bao gồm những kiến thức riêng biệt và cụ thể như: những sự việc cụ thể, những quá trình, kỹ năng cụ thể... Ví dụ: miêu tả về hệ thống tổ chức của lực lượng Cảnh sát kinh tế, những quá trình thực hiện việc lập hồ sơ điều tra cơ bản, những thí nghiệm trong kỹ thuật hình sự... Kiến thức ở trình độ này đơn giản, chưa lôi cuốn người học vào những hoạt động trí tuệ tích cực, chưa tạo ra được những ý tưởng mới, nhưng lại là những kiến thức trực quan sinh động rất cần thiết và không thể thiếu, hợp thành nền tảng tri thức trong quá trình nhận thức. Đây chính là nguyên liệu thô của quá trình phát triển tư duy.

- Các ý tưởng và nguyên lý cơ bản: Đây là trình độ thứ hai của nội dung kiến thức, gồm những ý tưởng có tầm khái quát cao như những ý tưởng về mối quan hệ nhân quả trong chủ nghĩa duy vật biện chứng hay những nguyên lý và quy luật xã hội, những định luật khoa học, những sự kiện lịch sử quan trọng có quy mô lớn... Đây là loại nội dung kiến thức năng động hơn, có thể ứng dụng để hiểu các sự kiện, các hiện tượng và vấn đề trong một phạm vi rộng và cũng được dùng để giải thích, dự đoán về các sự kiện, hiện tượng đang diễn ra hoặc sẽ hình thành. Do đó, nó có tác dụng rèn luyện và phát triển khả năng tư duy của người học. Đây được coi là chất liệu chính để tạo nên cấu trúc của nội dung môn học.

- Các khái niệm: Là những hệ thống phức tạp của tư duy trừu tượng cao, chỉ được tạo nên từ những quá trình nhận thức nối tiếp nhau trong các bối cảnh đa dạng. Chúng không thể được tạo thành từ một đơn vị kiến thức riêng biệt

nào đó, mà cần phải được đan dệt trong toàn bộ khuôn khổ chương trình học, được rà soát qua nhiều trình độ với mức độ khái quát theo hướng tăng dần. Ví dụ: các khái niệm về sưu tra, xác minh hiểm nghi... Đây là loại kiến thức tạo nên nền móng của quá trình nhận thức, được hình thành qua quá trình tích lũy thông tin và sự kiện, tồn tại và được sử dụng xuyên suốt quá trình giáo dục. Quá trình tích lũy thông tin và sự kiện để hình thành khái niệm từ cụ thể đến trừu tượng cũng chính là quá trình rèn luyện khả năng tổng hợp và khái quát hóa của người học.

- Các hệ thống tư tưởng (phạm trù):

Đây là trình độ cao nhất của nội dung kiến thức, là tập hợp các nội dung kiến thức ở trình độ thấp hơn chủ yếu là các ý tưởng, nguyên lý cơ bản, khái niệm... được hệ thống hóa theo một dòng lưu thông của tư duy. Ví dụ như: tư tưởng Hồ Chí Minh, các cặp phạm trù của chủ nghĩa duy vật biện chứng... Hệ thống tư tưởng có vai trò vô cùng quan trọng trong giáo dục, mở ra những đường lối logic cho sự liên kết các sự kiện và các ý tưởng để tạo nên những tư tưởng mới, quy định những phương pháp tư duy hợp lý để phát hiện và giải quyết các vấn đề trong chuyên môn cũng như trong đời sống, tạo nên nền tảng để hình thành nhân sinh quan và thế giới quan cho người học. Đối với nhà giáo dục, đây chính là một trọng tâm định hướng cho việc thiết kế chương trình và cho quá trình dạy học một môn học.

Nhìn chung các trình độ kiến thức khác nhau về các mức độ đơn giản và phức tạp, riêng biệt và khái quát, cụ thể và trừu tượng... Những kiến thức ở trình độ cao có tính chất phức tạp, khái quát và trừu tượng ngày càng tăng nhưng chúng chỉ được hình thành trên cơ sở những kiến thức riêng biệt, đơn giản và cụ thể hơn ở trình độ thấp hơn. Vì vậy, 4 trình độ kiến thức hợp thành chuỗi học vấn liên hoàn chặt chẽ và không thể cắt rời để bỏ qua một trình độ nào.



Mỗi chuỗi học vấn thường được khởi đầu từ những sự kiện và quá trình riêng biệt, tiến tới các ý tưởng và nguyên lý cơ bản, qua khái niệm rồi đến hệ thống tư tưởng. Như vậy, nó phù hợp với quy luật của tư duy: từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng rồi tác động lại thực tiễn; đồng thời cũng tương ứng với quá trình nhận thức: từ cảm tính đến lý tính, hình thành biểu tượng, khái niệm và phạm trù.

Ngoài ra, khi xác định nội dung chuyên môn cho môn học, nhà giáo dục còn cần lưu ý đến những yêu cầu để nội dung chuyên môn có hiệu lực. Theo Tada (1962), có 03 yêu cầu chính sau:

- Nội dung chuyên môn phải được cập nhật: Tri thức là tương đối và luôn luôn biến đổi để phát triển; vì vậy, nội dung chuyên môn trong các quá trình giáo dục phải bắt kịp với nhịp điệu phát triển nhanh chóng của tri thức khoa học thông qua việc được cập nhật thường xuyên, có như vậy nó mới phát huy được hiệu lực trong quá trình giáo dục. Những nội dung lạc hậu và lỗi thời sẽ chỉ khiến người học mệt mỏi một cách vô ích. Sự lạc hậu và lỗi thời của kiến thức có nhiều dạng khác nhau: lạc hậu về các sự kiện, về ý nghĩa chứa đựng bên trong các khái niệm, về những lý thuyết để tổ chức và giải thích các sự kiện; lỗi thời về cách tiếp cận hoặc kiểu tư duy được sử dụng, bao gồm cả cách đặt vấn đề và giải quyết vấn đề. Do đó việc cập nhật kiến thức luôn đi cùng với việc cập nhật kỹ năng và thái độ - tình cảm.

- Nội dung chuyên môn phải mang tính cơ bản: Nội dung chuyên môn mà trước hết là nội dung kiến thức phải mang tính cơ bản, tức là kiến thức chính xác, có độ ổn định tương đối cao, có phạm vi ảnh hưởng tương đối rộng, để từ đó có thể tìm hiểu nó sâu hơn hoặc có thể tiếp cận thêm những kiến thức mới. Đây cũng chính là kiến thức chuẩn mực của chương trình

giáo dục. Đối với các trình độ khác nhau của nội dung kiến thức, kiến thức cơ bản tồn tại trong cả 04 trình độ kiến thức. Với các kiến thức cơ bản ở mỗi trình độ, các sự kiện và quá trình riêng biệt được coi là nền móng, các ý tưởng cơ bản, nguyên lý cơ bản và các khái niệm tạo thành nòng cốt, các hệ thống tư tưởng là kết cấu hoàn chỉnh của cả chuỗi học vấn cơ bản, cũng như của chương trình học.

- Nội dung kiến thức cần truyền đạt tinh thần và phương pháp tìm hiểu: Nội dung kiến thức phải truyền đạt được tinh thần và phương pháp tìm hiểu nó để có thể phát huy đầy đủ hiệu lực trong quá trình giáo dục. Điều này đòi hỏi các nhà thiết kế chương trình giáo dục và giáo viên phải chú trọng cùng lúc cả hai đặc tính của nội dung kiến thức là “dung lượng” và “quá trình”. Để truyền đạt cho người học thì nội dung kiến thức phải chứa đựng những thông tin phản ánh tinh thần và tạo điều kiện cho việc thực hiện phương pháp tìm hiểu nó. Ví dụ để học tốt môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, người học phải học để hỏi và trả lời những câu hỏi của nhà lịch sử, và học để xử lý những bằng chứng, những sự kiện, những quan điểm lịch sử như những nhà sử học vẫn làm.

Tóm lại, nội dung chuyên môn của một môn học luôn thể hiện 04 đặc tính của nội dung kiến thức (dung lượng và quá trình, bề rộng và chiều sâu); được phân loại thành 04 trình độ liên quan chặt chẽ với nhau (các sự kiện và quá trình riêng biệt, các ý tưởng và nguyên lý cơ bản, các khái niệm, các hệ thống tư tưởng) và phải đáp ứng 03 yêu cầu để phát huy hiệu lực (về tính cập nhật, tính cơ bản, tinh thần và phương pháp tìm hiểu).

Việc lựa chọn và xây dựng nội dung chuyên môn đối với từng môn học đóng vai trò vô cùng quan trọng, có tác động lớn đến mức độ hiệu quả của quá trình giáo dục. Nội dung



chuyên môn có mối quan hệ tương tác không thể tách rời với 3 thành tố còn lại của quá trình giáo dục là mục tiêu, phương pháp và tổ chức và đánh giá. Nội dung chịu sự chi phối của mục tiêu nhưng nó cũng đồng thời tác động lại mục tiêu. Ngoài ra nội dung chuyên môn chi phối phương pháp và tổ chức. Nội dung chuyên môn cùng với phương pháp và tổ chức là cơ sở và định hướng của đánh giá.

Như vậy, để có thể nâng cao hiệu quả của quá trình giảng dạy, không thể không chú ý đến việc phát huy tác dụng của yếu tố nội dung chuyên môn. Trong giai đoạn hiện nay, việc lựa chọn, xây dựng nội dung chuyên môn tại các trường Cảnh sát nhân dân nói chung và Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II nói riêng nhìn chung đã đáp ứng khá đầy đủ những mục tiêu của môn học tuy nhiên vẫn không tránh khỏi còn một số hạn chế nhất định. Đến nay, một số nội dung chuyên môn còn mang đặc điểm về bề rộng lấn át chiều sâu, dung lượng lấn át quá trình, thiếu tính cập nhật, tính cơ bản cũng như tinh thần và phương pháp tìm hiểu, đã trở thành những nội dung có tính chất áp đặt với hiệu lực khá thấp. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, hoạt động tội phạm ngày càng trở nên tinh vi, phức tạp khiến cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng Cảnh sát nhân dân càng gặp nhiều khó khăn. Nếu những nội dung mới về thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm không được cập nhật thường xuyên, chuyên sâu thì sẽ không thể trang bị cho học viên các trường Cảnh sát nhân dân những kiến thức và kỹ năng phù hợp để có thể sử dụng ngay khi bước vào công tác thực tế sau khi ra trường. Hơn nữa nội dung còn nặng về lý thuyết, có phần quá tải sẽ có tác động xấu làm biến dạng phương pháp dạy học tích cực đang được áp dụng tại các trường Cảnh sát nhân dân trở thành “đọc – chép”, giới hạn việc phát vấn hoặc

thực hành các kỹ năng học tập theo hướng lấy người học làm trung tâm.

Như vậy có thể thấy nếu quá trình đổi mới giảng dạy tại các trường Cảnh sát nhân dân nói chung và tại Trường Cao đẳng CSND II nói riêng chỉ chú trọng đến đổi mới phương pháp và tổ chức hay kiểm tra đánh giá mà xem nhẹ việc cập nhật và đổi mới nội dung giảng dạy thì sẽ không thể đạt được hiệu quả cao vì hiệu lực thấp của từng yếu tố sẽ dẫn đến hiệu lực của các yếu tố khác và của các mối liên kết trong quan hệ tương tác giữa chúng với nhau bị sụt giảm, làm cho hiệu quả của cả hệ thống mục tiêu – nội dung – phương pháp – đánh giá sụt giảm theo.

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động giảng dạy, không thể chỉ chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy mà còn phải chú ý đến các thành tố khác của quá trình giáo dục trong đó có yếu tố nội dung chuyên môn. Điều này cần phải có sự chung tay của rất nhiều cấp từ cơ sở đến trung ương. Với mục đích xây dựng môi trường học tập lấy người học làm trung tâm, chương trình học cần được xây dựng lại theo cách tiếp cận mục tiêu hoặc tiếp cận phát triển, xác định đúng vị trí – vai trò của từng môn học theo mục tiêu đào tạo cấp học. Từ đó lựa chọn nội dung kiến thức đảm bảo cân đối các mặt dung lượng và quá trình, bề rộng và chiều sâu, chú trọng đều các trình độ từ các sự kiện và quá trình riêng biệt, các ý tưởng và nguyên lý cơ bản, các khái niệm, đến các hệ thống tư tưởng và phải đáp ứng được các yêu cầu về tính cập nhật, tính cơ bản, tinh thần và phương pháp tìm hiểu. Có như vậy nội dung chuyên môn mới có thể phát huy hết hiệu lực của nó vào đóng vai trò tích cực vào hoạt động giáo dục./